

Số: /KL-TTr

Điện Biên, ngày 15 tháng 11 năm 2023

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc quản lý, triển khai, thực hiện các dịch vụ Dân số
đối với Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé.

Thực hiện Quyết định số 08/QĐ-TTr ngày 12/10/2023 của Chánh Thanh tra Sở Y tế về thanh tra việc quản lý, triển khai, thực hiện các dịch vụ Dân số đối với Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé. Từ ngày 25/10/2023 đến ngày 06/11/2023 Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trung tâm Y tế, trạm y tế xã Mường Nhé, trạm y tế xã Mường Toong.

Xét báo cáo kết quả thanh tra số 05/BC-ĐTTr ngày 07/11/2023 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Sở Y tế kết luận thanh tra như sau:

1. Khái quát đặc điểm tình hình tổ chức, hoạt động có liên quan đến nội dung thanh tra của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra

- Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế, có chức năng triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về khám bệnh, chữa bệnh và lĩnh vực Y tế dự phòng; phòng chống HIV/AIDS; phòng, chống các bệnh xã hội; An toàn vệ sinh thực phẩm; Dân số - KHHGĐ, chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống suy dinh dưỡng; truyền thông giáo dục sức khỏe và quản lý toàn diện các trạm y tế xã trên địa bàn huyện. Trung tâm Y tế gồm 03 phòng, 09 khoa, 01 phòng khám đa khoa khu vực, 11 Trạm Y tế xã và 03 cơ sở cấp phát Methadone.

- Nhân lực làm công tác dân số, gồm:

+ Viên chức Dân số: Tuyển huyện có 06 viên chức (02 cử nhân YTCC, 02 cao đẳng hộ sinh, 02 y sỹ); Tuyển xã có 11 viên chức (03 y sỹ; 03 điều dưỡng trung cấp, 02 điều dưỡng cao đẳng; 01 sơ cấp dược; 01 sơ cấp điều dưỡng; 01 viên chức đã học xong đại học điều dưỡng).

+ Viên chức cung cấp dịch vụ - kỹ thuật: Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản, tuyển xã có 7/11 xã có NHS/YSSN cung cấp dịch vụ KHHGĐ; 04/11 xã không có nhân lực để cung cấp thường xuyên dịch vụ KHHGĐ (Sen Thượng, Leng Su Sìn, Quảng Lâm, Huổi Léch).

- Dân số tính đến thời điểm 31/12/2022 là 49.348 người; trong đó:

+ Số phụ nữ 15-49 tuổi: 12.794 người;

+ Số phụ nữ 15-49 tuổi có chồng: 9.299 người;

+ Số người đang sử dụng các BPTT: 6.344 người;

+ Số người đang sử dụng các BPTT hiện đại: 5.827 người.

- Số bà mẹ mang thai năm 2021: 1.308 người; năm 2022: 1.296 người.
- Số trẻ sinh năm 2020: 1.249 trẻ; năm 2021: 1.337 trẻ.

2. Tình hình triển khai thực hiện các BPTT, SLTS, SLSS trên địa bàn

2.1. Công tác tham mưu, ban hành các văn bản triển khai, thực hiện

- Trung tâm Y tế đã tham mưu văn bản của Ủy ban Nhân dân huyện, Ban Chỉ đạo công tác Dân số và phát triển gồm: Kế hoạch số 485/KH-UBND ngày 31/3/2021 về thực hiện chương trình truyền thông Dân số đến năm 2030 huyện Mường Nhé; Kế hoạch số 371/KH-UBND ngày 18/3/2022 về hành động thực hiện chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 huyện Mường Nhé; Kế hoạch số 483/KH-UBND ngày 31/3/2021 về thực hiện Kế hoạch số 492/KH-UBND, ngày 26/02/2021 thực hiện Quyết định 1999/QĐ-TTg, ngày 07/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ, về chẩn đoán và điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030 trên địa bàn huyện Mường Nhé.

- Trung tâm Y tế đã xây dựng và ban hành các văn bản triển khai, thực hiện gồm: Kế hoạch số 464/KH-TTYT ngày 08/6/2020 về phát triển sự nghiệp Dân số giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 167/KH-TTYT ngày 26/02/2021 về thực hiện công tác Dân số-KHHGD năm 2021; Kế hoạch số 191/KH-TTYT ngày 07/3/2022 thực hiện các hoạt động Dân số-KHHGD năm 2022; Kế hoạch số 263/KH-TTYT ngày 30/3/2022 tổ chức các hoạt động truyền thông Dân số-KHHGD năm 2022.

2.2. Công tác chỉ đạo, lãnh đạo việc triển khai, thực hiện

- Trung tâm đã chỉ đạo phòng Dân số và trạm y tế các xã triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách, dịch vụ về dân số và cung cấp các biện pháp tránh thai phi lâm sàng; chỉ đạo Khoa CSSKSS thực hiện cung cấp đảm bảo đầy đủ các dịch vụ về biện pháp tránh thai lâm sàng và dịch vụ sàng lọc sơ sinh theo quy định.

- Công tác phối hợp giữa phòng Dân số với các khoa, phòng, trạm y tế xã thực hiện đầy đủ các hoạt động như truyền thông, cung ứng các biện pháp tránh thai, lập dự trữ Mẫu giấy thăm sàng lọc sơ sinh theo nhu cầu thực tế, gửi Chi cục Dân số - KHHGD tỉnh, hàng tháng đã báo cáo các hoạt động gửi cấp trên theo quy định.

2.3. Công tác phối hợp triển khai, thực hiện

- Trung tâm Y tế đã phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể huyện như Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên thực hiện lồng ghép các nội dung truyền thông về các dịch vụ dân số. Tham gia hoạt động đối thoại với hội viên phụ nữ các xã theo kế hoạch của Hội Liên hiệp phụ nữ huyện.

- Phối hợp với các Trường PTDTNT huyện, Trường THPT và các Trường cấp 2 trên địa bàn huyện triển khai hoạt động sinh hoạt ngoại khóa cho học sinh về nội dung sức khỏe sinh sản vị thành niên/thanh niên.

2.4. Công tác tuyên truyền vận động và giám sát

- Công tác tuyên truyền được phòng Dân số và trạm y tế các xã thực hiện lồng ghép vào các cuộc họp giao ban với cộng tác viên dân số và chỉ đạo đội ngũ cộng tác viên thực hiện công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện các chính sách về dân số và áp dụng biện pháp tránh thai nhằm góp phần giảm mức sinh, có điều kiện phát triển kinh tế.

- Trung tâm Y tế có kế hoạch và triển khai thực hiện việc kiểm tra đối với trạm y tế các xã, định kỳ kiểm tra 6 tháng 1 lần. Đã đánh giá được kết quả thực hiện các chỉ tiêu được giao và đưa ra các giải pháp thực hiện đối với các chỉ tiêu, nhiệm vụ chưa thực hiện được, đã có ý kiến với lãnh đạo chính quyền xã trong công tác phối hợp, chỉ đạo trạm y tế thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn.

- Năm 2021, Trung tâm Y tế không thực hiện được công tác kiểm tra Y tế cơ sở do phải trung nhân lực phục vụ phòng, chống dịch Covid-19. Năm 2022, thực hiện kiểm tra được 1 lần theo kế hoạch số 1020/KH-TTYT ngày 02/11/2022 của Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé.

- Phòng Dân số đã thực hiện công tác giám sát hỗ trợ về lĩnh vực dân số và việc triển khai thực hiện các dịch vụ dân số tại các xã. Cụ thể: thực hiện giám sát chiến dịch theo kế hoạch số 274/KH-BCĐ ngày 08/4/2021 của Ban Chỉ đạo công tác Dân số-KHHGĐ huyện Mường Nhé về việc triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ CSSKSS/KHHGĐ năm 2021 và kế hoạch số 281a/KH-TTYT ngày 08/4/2022 về việc triển khai chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ CSSKSS/KHHGĐ năm 2022.

2.5. Công tác đảm bảo hậu cần, quản lý, sử dụng các PTTT, SLTS, SLSS

*** Công tác xây dựng và phân bổ chỉ tiêu kế hoạch**

- Trung tâm Y tế đã xây dựng, hướng dẫn và phân bổ chỉ tiêu kế hoạch thực hiện công tác Dân số-KHHGĐ năm 2021, 2022 (*Kế hoạch số 167/KH-TTYT ngày 26/02/2021 về thực hiện công tác Dân số-KHHGĐ năm 2021, Kế hoạch số 191/KH-TTYT ngày 07/3/2022 của Trung tâm Y tế huyện về thực hiện các hoạt động Dân số - KHHGĐ năm 2022*).

- Trung tâm Y tế đã thực hiện lồng ghép hoạt động truyền thông về SLTS, SLSS vào các hoạt động truyền thông trong chiến dịch CSSKSS/KHHGĐ; truyền thông về “Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh”; truyền thông thực hiện “Giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống”;...

*** Công tác cấp phát và theo dõi quá trình sử dụng của đối tượng**

Việc quản lý các phương tiện tránh thai đảm bảo quy định. Cụ thể: khi nhận từ Chi cục Dân số về nhập kho Trung tâm Y tế, căn cứ nhu cầu sử dụng của các đối tượng, các xã làm dự trù gửi cho khoa Dược. Căn cứ dự trù của các xã, kế toán làm phiếu xuất kho cho các xã, sau khi các xã mang về trạm nhập vào kho của trạm và cấp phát cho cộng tác viên dân số hoặc trạm cấp phát trực tiếp cho người sử dụng. Trạm y tế có sổ chi tiết theo dõi đối tượng sử dụng tại trạm (*có danh sách cấp phát và danh sách sử dụng của đối tượng tại tuyến xã*).

*** Công tác tổng hợp, báo cáo và thanh quyết toán miễn phí**

- Công tác tổng hợp, báo cáo:

+ Đối với Sàng lọc trước sinh (SLTS): Phòng Dân số tổng hợp, lưu danh sách khám sàng lọc do khoa Cận lâm sàng thực hiện (*có danh sách lưu*).

+ Đối với Sàng lọc sơ sinh (SLSS): Phòng Dân số tổng hợp, lưu danh sách của Khoa Sản và trạm y tế các xã thực hiện gửi về (*có danh sách lưu*).

- Danh sách SLSS khi các xã gửi về Trung tâm thanh toán, phòng kế toán và phòng Dân số đã đối chiếu danh sách đối tượng thực hiện. Sau khi đối chiếu xong chuyển cho kế toán thanh quyết toán (*có chứng từ thanh quyết toán lưu phòng kế toán đầy đủ*).

*** Công tác bảo quản và lưu kho tại tuyến huyện:** các phương tiện tránh thai lưu kho được đảm bảo theo quy định.

*** Sổ sách, chứng từ theo dõi hoạt động tại kho:** Có sổ theo dõi, có phiếu nhập, phiếu xuất các phương tiện tránh thai được lưu trữ tại kho Dược. Có phiếu xuất kho cho các bộ phận, các xã và có phiếu nhập kho khi nhận từ tỉnh về. Cuối tháng có báo cáo tổng hợp xuất, nhập, tồn kho từng loại phương tiện tránh thai theo quy định.

2.6. Việc triển khai các hoạt động theo kế hoạch, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền

Trung tâm Y tế đã đảm bảo thực hiện các hoạt động về cung cấp các dịch vụ dân số trên địa bàn huyện theo chỉ tiêu kế hoạch tỉnh giao và theo quy định.

3. Kết quả thực hiện

Danh sách đối tượng đăng ký sử dụng các BPTT miễn phí và danh sách sử dụng BPTT miễn phí năm 2020-2021 được Trạm Y tế các xã lưu giữ, theo dõi và quản lý.

3.1. Kết quả thực hiện các dịch vụ Dân số (Phụ lục 01).

3.2. Kết quả xuất, nhập vật tư, thuốc dịch vụ KHHGD năm 2021 - 2022 (Phụ lục 02).

3.3. Kinh phí thực hiện dịch vụ Dân số năm 2021 - 2022 (Phụ lục 03).

3.4. Kết quả kiểm tra, xác minh tại 02 trạm y tế xã Mừng Nhé và Mừng Toong

+ Triển khai thực hiện các hoạt động về Dân số theo kế hoạch; Có đầy đủ báo cáo về công tác Dân số theo quy định.

+ Tình hình cung cấp dịch vụ KHHGD của Trạm y tế: Về cơ sở vật chất đảm bảo để cung cấp dịch vụ KHHGD, cả 2 xã có nữ hộ sinh cung cấp dịch vụ về KHHGD; Trang thiết bị, vật tư, thuốc thiết yếu và phương tiện tránh thai cơ bản đáp ứng hoạt động cung cấp dịch vụ.

+ Thường xuyên tổ chức tuyên truyền vận động các đối tượng thực hiện dịch vụ KHHGD (Lợi ích SLTT, SLSS, các BPTT,...).

4. Nhận xét, đánh giá kết quả kiểm tra, xác minh.

4.1. Những mặt làm được

- Trung tâm y tế huyện Mường Nhé đã tham mưu Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển huyện ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác Dân số đầy đủ theo hướng dẫn, đảm bảo các nội dung.

- Hằng năm, đã ban hành kế hoạch thực hiện các hoạt động về công tác Dân số, phân bổ chỉ tiêu cụ thể đến trạm y tế xã. Đã chỉ đạo, lãnh đạo việc triển khai, thực hiện qua các cuộc giao ban/họp...

- Phối hợp với các phòng/ban/đoàn thể huyện triển khai các hoạt động tuyên truyền vận động về dân số. Cụ thể: Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên, phòng Giáo dục và đào tạo, các trường THPT trên địa bàn,...

- Công tác tuyên truyền vận động được quan tâm và triển khai thực hiện theo kế hoạch được giao.

- Công tác đảm bảo hậu cần, quản lý, sử dụng phương tiện tránh thai, mẫu máu sàng lọc sơ sinh: cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; bảo quản và lưu kho theo quy định; đầy đủ sổ sách, chứng từ, có sổ theo dõi quá trình sử dụng của đối tượng.

- Thực hiện đầy đủ các báo cáo theo quy định; cập nhật quản lý hậu cần phương tiện tránh thai, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh theo quy định.

- Thực hiện giải ngân các hoạt động về Dân số theo hợp đồng ký kết giữa 2 bên Chi cục Dân số - KHHGD và Trung tâm y tế huyện theo quy định.

4.2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác tham mưu các văn bản chỉ đạo: Chưa tham mưu cho Ban Chỉ đạo công tác Dân số huyện Mường Nhé ban hành quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho thành viên Ban Chỉ đạo.

- Công tác chỉ đạo, lãnh đạo việc triển khai thực hiện: Trung tâm y tế huyện có Quyết định giao chỉ tiêu sự nghiệp y tế hằng năm, tuy nhiên các chỉ tiêu về công tác Dân số chỉ ban hành kế hoạch thực hiện hằng năm, chưa có Quyết định giao chỉ tiêu cho Trạm y tế xã.

- Công tác xây dựng và phân bổ chỉ tiêu kế hoạch:

+ Một số chỉ tiêu kế hoạch về Dân số hằng năm phân bổ chưa logic, chưa hợp lý. Hằng năm, chưa đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch của toàn huyện và các xã.

+ Trung tâm y tế không ban hành thông báo điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch về Dân số năm 2022. Do đó, việc đánh giá thực hiện chỉ tiêu kế hoạch còn bất cập (trong báo cáo với đoàn Thanh tra).

+ Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch hằng năm đạt thấp.

- Công tác cấp phát và theo dõi quá trình sử dụng của đối tượng:

+ Số lượng nhập phương tiện tránh thai (PTTT) trong báo cáo tháng của xã và danh sách phân bổ PTTT của Trung tâm y tế một số số liệu chưa khớp nhau, không đúng với danh sách cấp phát thực tế tại một số Trạm Y tế.

- Công tác thanh quyết toán: Trung tâm y tế đã thực hiện theo hợp đồng ký kết với Chi cục Dân số - KHHGD. Tuy nhiên, một số chứng từ thanh quyết toán năm 2021, 2022 sắp xếp chưa khoa học, thiếu bảng kê, còn nhầm lẫn một số số liệu giữa bảng kê và danh sách đối tượng sử dụng các BPTT.

- Hiệu quả công tác dân số trên địa bàn còn hạn chế: Khám sức khỏe trước khi kết hôn; người cao tuổi khám sức khỏe định kỳ; trẻ sơ sinh được sàng lọc chưa được sự tham gia hưởng ứng tích cực và tự giác từ các hộ gia đình và các cặp đôi chuẩn bị kết hôn. Biện pháp tránh thai tập trung chủ yếu vào các biện pháp phi lâm sàng (*thuốc uống, bao cao su*). Tỷ suất sinh và tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên còn cao, chất lượng tự chăm sóc sức khỏe sinh sản chưa cao.

+ Tại 02/02 trạm y tế được kiểm tra không thực hiện dịch vụ sàng lọc sơ sinh (*lấy máu gót chân*) cho trẻ sơ sinh đẻ tại trạm y tế và tại nhà; không cập nhật, tổng hợp, theo dõi lưu danh sách sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh từ trung tâm y tế huyện.

+ Việc theo dõi, quản lý đối tượng sử dụng BPTT còn bất cập, chưa khoa học.

4.3. Nguyên nhân của những hạn chế

*** Nguyên nhân khách quan**

- Mường Nhé là huyện miền núi, khó khăn, nhiều dân tộc cùng sinh sống (trên 90% là dân tộc thiểu số), tỷ lệ hộ nghèo cao, tỷ lệ dân số nông thôn chiếm 100%. Giao thông đi lại khó khăn, đã ảnh hưởng đến các hoạt động Y tế nói chung và công tác Dân số nói riêng.

- Do một số phong tục tập quán như: trọng nam khinh nữ; tập tục sinh hoạt gia đình...nên dẫn đến một số chỉ tiêu về dân số chưa đạt. Đây là những khó khăn thách thức lớn ảnh hưởng đến thực hiện công tác Dân số.

- Nhân lực ít, kiêm nhiệm nhiều công việc và phải tập trung vào công tác phòng, chống dịch Covid-19, nên công tác tuyên truyền, vận động trong những năm qua gặp nhiều khó khăn, bị gián đoạn, không liên tục; do đó, kết quả thực hiện các dịch vụ về Dân số đạt thấp so với kế hoạch.

- Một số phương tiện tránh thai miễn phí do Trung ương cấp không đủ, đôi khi không kịp thời như thuốc Tiêm và thuốc Cây (*nhu cầu thực tế của người dân thích sử dụng thuốc Tiêm và thuốc Cây*).

*** Nguyên nhân chủ quan**

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa thật sự quan tâm đến công tác dân số và phát triển, dẫn đến chưa hiểu hết tính chất quan trọng và lâu dài của công tác dân số để có những giải pháp thiết thực trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo.

- Một số thành viên Ban Chỉ đạo chưa có sự phối hợp chặt chẽ thường xuyên trong việc tổ chức thực hiện công tác Dân số nên hiệu quả chưa cao.

- Công tác tuyên truyền vận động về Dân số tuy đã có sự đổi mới về nội dung, hình thức, có chiều rộng nhưng chưa đạt về chiều sâu, chưa thể hiện tính đột phá, sáng tạo để thâm nhập sâu vào ý thức và hành động của các cấp ủy đảng, chính quyền và Nhân dân về công tác dân số.

- Nhân lực, kinh nghiệm làm công tác Dân số tại một số xã còn hạn chế. Một số cộng tác viên dân số thôn bản chưa tâm huyết, chưa nhiệt tình và luôn có sự thay đổi do thù lao của cộng tác viên quá thấp và không kịp thời.

5. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng.

Đoàn thanh tra yêu cầu, đề nghị đối với Trung tâm Y tế:

- Trung tâm y tế tham mưu ban hành quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho thành viên Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển.

- Trung tâm y tế đưa các chỉ tiêu về Dân số và phát triển vào Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển sự nghiệp y tế hàng năm. Kịp thời thông báo, điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch khi có quyết định của Sở Y tế và thông báo của Chi cục Dân số đối với các Trạm y tế;

- Phân bổ chỉ tiêu kế hoạch cho các xã phù hợp với điều kiện thực tế và mục tiêu cần đạt.

- Định kỳ hằng quý/năm đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch của toàn huyện và các xã, từ đó kịp thời điều chỉnh và có các biện pháp triển khai phù hợp nhằm đạt chỉ tiêu kế hoạch được giao.

- Cập nhật số lượng nhập PTTT đầy đủ, đối chiếu, so sánh số liệu logic, khớp với danh sách cấp phát thực tế tại Trạm y tế xã.

- Bảo quản thuốc, phương tiện tránh thai theo quy định tại Quyết định số 199/QĐ-BYT ngày 20/01/2009 của Bộ Y tế.

- Công tác thanh quyết toán: Bổ sung bảng kê, sắp xếp chứng từ khoa học, thuận lợi cho việc lưu trữ, công tác kiểm tra.

- Quan tâm, chỉ đạo tổ chức triển khai các hoạt động về Dân số trên địa bàn. Thường xuyên kiểm tra, giám sát hỗ trợ viên chức Dân số xã đặc biệt là các xã viên chức còn khó khăn, hạn chế về kinh nghiệm, năng lực trong triển khai các hoạt động về Dân số.

- Quan tâm chỉ đạo/hỗ trợ triển khai thực hiện dịch vụ sơ sinh (*lấy máu gót chân*) cho các đối tượng đẻ tại nhà và Trạm y tế; Cập nhật đầy đủ danh sách sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, áp dụng các BPTT.

- Bổ sung/tăng cường định kỳ viên chức (Bác sỹ/NHS/YSSN) thực hiện cung cấp dịch vụ KHHGĐ tại các xã còn thiếu, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng các BPTT cho đối tượng.

- Hỗ trợ và hướng dẫn CTV Dân số thôn bản trong việc thực hiện các hoạt động về Dân số; Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức cho nhân dân trên địa bàn thực hiện tốt chính sách Dân số.

6. Biện pháp xử lý

- Trung tâm Y tế nghiêm túc khắc phục, hoàn thiện ngay những tồn tại nêu trên thực hiện theo quy định. Báo cáo kết quả thực hiện Kết luận thanh tra về Thanh tra sở trước ngày 20/12/2023.

- Xử lý trách nhiệm: không.

- Xử lý kinh tế: không.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc quản lý, triển khai, thực hiện các dịch vụ Dân số đối với Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé của Chánh Thanh tra Sở Y tế. Yêu cầu Trung tâm Y tế công khai Kết luận thanh tra tại đơn vị trong cuộc họp giao ban, niêm yết công khai tại đơn vị trong 15 ngày làm việc liên tục; đồng thời nghiêm túc thực hiện những nội dung kết luận, kiến nghị nêu trên./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo Sở Y tế (b/c);
- Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé;
- Chi cục Dân số KHH&GD;
- Cổng thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: VT, Thanh tra.

CHÁNH THANH TRA

Lê Trọng Cảnh

Phụ lục 1:**Kết quả thực hiện các dịch vụ Dân số**

TT	Nội dung	Đơn vị	Thực hiện năm 2021 – 2022 (TTYT báo cáo)						Kết quả xác minh năm 2021 - 2022					
			Năm 2021			Năm 2022			Năm 2021			Năm 2022		
			KH	TH	Tỷ lệ (%)	KH	TH	Tỷ lệ (%)	KH	TH	Tỷ lệ (%)	KH	TH	Tỷ lệ (%)
1	Dụng cụ tử cung	Người	290	188	64,8	400	462	115,5	195	188	96,4	380	462	121,5
	Cấp miễn phí	Người	240	178	74,1	350	447	127,7	185	178	96,2	350	447	127,7
	XHH- thị trường	Người	50	10	20,0	50	15	30,0	10	10	100	30	15	50,0
2	Thuốc tiêm TT	Người	555	740	133,3	560	588	105	555	740	133,3	100	588	588
	Cấp miễn phí	Người	555	740	133,3	560	588	105	555	740	133,3	100	588	588
	XHH- thị trường	Người	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Viên uống TT	Người	670	1388	207,1	670	1334	199,1	710	1.388	195,5	900	1.334	148,2
	Cấp miễn phí	Người	450	536	119,1	450	610	135,5	500	536	107,2	550	610	110,9
	XHH- thị trường	Người	100	852	852,0	120	724	603,3	100	852	852,0	350	724	206,8
4	BCS	Người	280	698	249,2	270	485	179,6	285	698	244,9	530	485	91,5
	Cấp miễn phí	Người	210	0	0	180	56	31,1	0	0	0	180	56	31,1
	XHH- thị trường	Người	40	698	0	70	429	612,8	265	698	263,3	350	429	122,5
5	Cấy TT	Người	20	30	150,0	20	10	50,0	15	30	200	10	10	100
6	Triệt sản	Người	6	0	0	7	0	0	0	0	0	2	0	0
7	SL sơ sinh	Ca	320	154	48,1	540	202	37,4	160	154	96,2	200	202	101
	Miễn phí	Ca	320	154	48,1	500	202	37,4	150	154	102,6	200	202	101
	XHH- thị trường	Ca	0	0	0	40	0	0	10	0	0	0	0	0
8	SL trước sinh	Ca	360	162	45,0	370	266	71,8	360	162	45,0	370	266	71,8
	Miễn phí	Ca	360	162	45,0	320	266	71,8	360	162	45,0	320	266	71,8
	XHH- thị trường	Ca	0	0	0	50	0	0	0	0	0	50	0	0

Phụ lục 2:**Kết quả nhập, xuất vật tư, thuốc dịch vụ KHHGD năm 2021 - 2022**

TT	Nội dung	ĐVT	Tồn năm 2020	Thực hiện năm 2021 - 2022					
				Năm 2021			Năm 2022		
				Nhập	Xuất	Tồn	Nhập	Xuất	Tồn
1	Dụng cụ tử cung	Chiếc	0	240	178	62	460	447	50
	Cấp miễn phí	Chiếc	0	240	178	62	460	447	50
2	Thuốc tiêm tránh thai	Liều	0	2350	2166	184	710	894	0
	Cấp miễn phí	Liều	0	2350	2166	184	710	894	0
3	Viên uống tránh thai	Vi	0	6400	6243	157	7200	6618	7309
	Cấp miễn phí	Vi	0	6400	6243	157	7200	6618	739
4	Bao cao su	Chiếc	0	288	0	288	6000	4.550	1450
	Cấp miễn phí	Chiếc	0	288	0	288	6000	4.550	1450
5	Cây TT	Que	0	30	30	0	10	10	0

Phụ lục 3:**Kinh phí thực hiện dịch vụ Dân số năm 2021 - 2022***ĐVT: Nghìn đồng*

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2021 - 2022					
		Năm 2021			Năm 2022		
		KH giao	Quyết toán	Tỷ lệ (%)	KH giao	Quyết toán	Tỷ lệ (%)
I	Các BPTT hiện đại						
1	DCTC	290	43.555	74,1	400	109.425	127
	Cấp miễn phí	240	43.555	74,1	350	109.425	127
2	Thuốc tiêm tránh thai	555	23.826	92,1	560	9.834	100
	Cấp miễn phí	555	23.826	92,1	560	9.834	100
3	Cấy tránh thai	30	10.516	100	19	5.541	100
4	Tháo tránh thai	14	10.516		9	2.151	
5	Triệt sản						
II	Sàng lọc TS, SLSS						
1	SL sơ sinh	147	0		187	0	
2	SL trước sinh						
III	Tuyên truyền vận động		83.910			140.572	
	Tổng KP		185.633			276.357	